

Số: 124 TB/DLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 30 tháng 07 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS

- Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092

- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý IV niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/06/2026; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/07/2026 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất Quý IV niên độ tài chính từ 01/07/2025 đến 30/06/2026.
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Tân

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MÍA
ĐƯỜNG
LAM SƠN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN
DN: C=VN, S=Thanh Hóa, L="Thị Trấn Lam Sơn, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M ST:2800463346, Phone=(84 - 237) 8996 667
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.07.30 16:23:01+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2025 ĐẾN 30/06/2026)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5 - 6
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.974.119.325.802	2.077.140.243.707
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.101.996.096	35.148.470.554
1. Tiền	111		16.273.936.886	20.638.708.014
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.828.059.210	14.509.762.540
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	120.207.736.315	89.736.222.328
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		120.207.736.315	89.736.222.328
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.598.041.938	264.161.974.224
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	83.775.295.832	58.897.345.572
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	135.738.003.452	181.021.581.310
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		110.000.000	230.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	73.076.689.738	65.383.971.808
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(42.101.947.084)	(41.370.924.466)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.563.697.974.988	1.686.761.819.344
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.573.979.954.787	1.703.152.874.678
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(10.281.979.799)	(16.391.055.334)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.513.576.465	1.331.757.257
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.703.347.897	731.753.686
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		435.523.456	477.558.449
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	374.705.112	122.445.122
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.288.493.265.129	1.334.123.167.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		760.603.108	100.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		70.000.000	100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		713.103.108	22.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		815.049.096.647	839.310.154.172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	775.340.447.941	797.425.716.046
Nguyên giá	222		3.233.998.757.773	3.135.140.093.010
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.458.658.309.832)	(2.337.714.376.964)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	39.708.648.706	41.884.438.126
Nguyên giá	228		52.258.456.172	52.258.456.172
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.549.807.466)	(10.374.018.046)
III. Bất động sản đầu tư	230			
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		325.336.416.265	321.929.881.981
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	325.336.416.265	321.929.881.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.835.554.236	107.990.013.263
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	6.251.145.800	6.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.13	(415.591.564)	(415.591.564)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	80.000.000.000	102.154.459.027
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.511.594.873	64.793.118.354
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	61.511.594.873	64.793.118.354
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.262.612.590.931	3.411.263.411.477

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.429.493.277.355	1.583.644.369.257
I. Nợ ngắn hạn	310		1.402.744.413.705	1.557.036.193.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	125.612.299.451	65.839.860.196
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.692.910.705	84.763.552.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	26.459.881.166	37.905.771.251
4. Phải trả người lao động	314		18.130.455.263	21.447.029.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	37.965.036.652	23.156.621.720
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	30.910.463.479	22.675.887.656
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.017.908.081.748	1.245.974.698.852
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54.065.285.241	55.272.772.587
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.748.863.650	26.608.175.396
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		1.000.000.000	1.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	5.735.000.000	3.735.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		20.013.863.650	21.873.175.396

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.833.119.313.576	1.827.619.042.220
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.830.363.168.368	1.823.987.843.712
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	900.265.920.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		900.265.920.000	857.416.230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	191.455.332.801	191.455.332.801
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	621.916.911.961	610.792.398.400
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	72.159.469.210	127.170.862.755
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.201.334.134	11.098.046.884
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		52.958.135.076	116.072.815.871
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	44.565.534.396	37.153.019.756
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.756.145.208	3.631.198.508
1. Nguồn kinh phí	431	V.22	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.22	2.756.145.208	3.631.198.508
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.262.612.590.931	3.411.263.411.477

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Tú

Đỗ Thị Thanh Hà

Lê Văn Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06		Đơn vị tính: VND
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	695.546.354.139	663.728.434.961	2.322.148.918.877	2.328.021.627.143	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	2.652.589.739	-	2.909.231.189	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	692.893.764.400	663.728.434.961	2.319.239.687.688	2.328.021.627.143	
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	649.572.486.963	539.519.594.400	2.095.399.556.497	2.010.794.544.857	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.321.277.437	124.208.840.561	223.840.131.191	317.227.082.286	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.608.149.073	1.903.453.404	20.962.411.066	14.588.448.281	
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	27.576.133.084	19.031.777.194	79.467.880.990	61.927.721.317	
Trong đó: chi phí lãi vay		23		24.197.998.259	18.881.839.733	74.266.777.325	55.703.210.145	
8	Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	24		-	-	-	-	
9	Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.634.079.607	16.135.957.269	45.668.729.898	68.937.477.856	
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.434.544.213	20.719.685.062	42.931.148.087	55.003.327.618	
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.284.669.606	70.224.874.440	76.734.783.282	145.947.003.776	
12	Thu nhập khác	31		58.491.909	154.950.490	1.938.532.290	1.056.742.515	
13	Chi phí khác	32		1.754.231.072	651.343.800	5.477.989.172	1.335.051.371	
14	Lợi nhuận khác	40		(1.695.739.163)	(496.393.310)	(3.539.456.882)	(278.308.856)	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.588.930.443	69.728.481.130	73.195.326.400	145.668.694.920	
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.680.092.644	11.400.364.198	12.824.676.683	23.672.780.335	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐUỜNG LAM SƠN
Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	122.037.536
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.908.837.799	58.328.116.932	60.370.649.717	121.873.877.049
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.192.576.269	57.651.733.755	52.958.135.076	116.072.815.871
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.716.261.530	676.383.177	7.412.514.641	5.801.061.178

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2026



Lê Văn Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Giai đoạn từ 01/07/2025 đến 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		73.195.326.400	145.668.694.920
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	2		132.672.626.951	124.083.115.529
- Các khoản dự phòng	3		(5.378.052.917)	(9.951.556.844)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	550.679.163
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(20.781.034.330)	(9.751.052.660)
- Chi phí lãi vay	6		74.266.777.325	55.703.210.145
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		253.975.643.429	306.303.090.253
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		14.646.847.643	178.995.386.103
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		129.172.919.890	(597.641.239.648)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		74.832.843.142	(27.959.132.676)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.309.929.270	4.935.700.676
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(74.861.916.203)	(55.395.090.058)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.315.413.663)	(20.244.707.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(875.053.300)	(2.271.773.702)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		372.885.800.208	(213.277.766.093)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(114.890.676.558)	(99.285.996.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.346.584.083	1.211.662.108
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.781.412.941)	(121.415.681.355)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(2.845.196.272)	49.115.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.178.285.726	7.884.486.553
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(102.992.415.962)	(162.490.529.287)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.180.123.832.980	2.331.219.311.436
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.406.190.450.084)	(1.943.364.658.972)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.873.241.600)	(38.162.706.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(268.939.858.704)	349.691.945.514
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		953.525.542	(26.076.349.866)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	35.148.470.554	61.218.609.271
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	6.211.149
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	36.101.996.096	35.148.470.554

Người lập biểu



Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2026

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Nghành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con:

Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Thôn Đá Dựng, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa	88	43,59
2. Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Khu 1, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Phố 3, Xã Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
4. Công ty TNHH thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	Cụm công nghiệp Quốc lộ 45, Xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	100	100
5. Công ty TNHH MTV Thành An – Lam Sơn	Khu Hồ Bắn, thôn Làng May, Xã Lam Sơn, Thanh Hóa.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6. Công ty TNHH nông nghiệp CNC mía đường Lam Sơn	Khu 6, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
7. Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn	Khu 6, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	100	100
8. Công ty TNHH MTV du lịch Thanh Tam	Khu 6, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	100	100

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Niên độ tài chính 2025/2026 bắt đầu từ 01 tháng 07 năm 2025 đến 30 tháng 06 năm 2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle Netsuite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- ☐ Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- ☐ Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- ☐ Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- ☐ Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 08 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- ☐ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- ☐ Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ Khoản 3 - Điều 19 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong suốt thời gian hoạt động là 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm cây trồng và chế biến nông lâm, thủy sản).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.051.420.854	1.257.172.978
Tiền gửi ngân hàng	15.222.516.032	19.381.535.036
Các khoản tương đương tiền	19.828.059.210	14.509.762.540
Cộng	36.101.996.096	35.148.470.554

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120.207.736.315	89.736.222.328
Cộng	120.207.736.315	89.736.222.328

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:	73.842.687.832	48.964.737.572
- Chi nhánh công ty TNHH nước giải khát Coca-Cola Việt Nam tại Hà Nội	5.189.184.000	-
- Công ty TNHH Phương Huy Linh	16.728.870.543	-
- Công ty mua bán điện	106.007.642	2.932.884.839
- Bà Nguyễn Thị Phương Thành	2.683.000.000	2.933.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	49.135.625.647	43.098.852.733
Phải thu từ các bên liên quan:	9.932.608.000	9.932.608.000
- Công ty CP rượu Việt Nam Thụy Điển	2.921.603.000	2.921.603.000
- Công ty CP mía đường Nông Cống	6.242.716.500	6.242.716.500
- Hiệp hội mía đường Lam Sơn	768.288.500	768.288.500
Cộng	83.775.295.832	58.897.345.572

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán:	129.103.730.444	174.387.308.302
- Trả trước cho người bán tại XNNL	112.850.561.692	158.446.825.569
- Trả trước cho người bán khác	16.253.168.752	15.940.482.733
Trả trước cho các bên liên quan:	6.634.273.008	6.634.273.008
- Công ty CP rượu Việt Nam Thụy Điển	882.000.000	882.000.000
- Công ty CP mía đường Nông Cống	5.752.273.008	5.752.273.008
Cộng	135.738.003.452	181.021.581.310

5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	73.076.689.738	65.383.971.808
Cộng	73.076.689.738	65.383.971.808

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng đi đường vận chuyển nội bộ	394.537.864	-
Nguyên liệu, vật liệu	56.574.515.310	43.376.847.835
Công cụ, dụng cụ	3.526.002.461	1.901.552.885
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.199.967.267	42.121.777.952
Thành phẩm	1.454.522.472.816	1.609.139.301.780
Hàng hóa	18.739.433.363	6.589.017.962
Hàng gửi bán	23.025.706	24.376.264
Cộng	1.573.979.954.787	1.703.152.874.678

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.281.979.799	16.391.055.334
Cộng	10.281.979.799	16.391.055.334

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.703.347.897	731.753.686
Cộng	2.703.347.897	731.753.686

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	374.705.112	122.445.122
Cộng	374.705.112	122.445.122

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	770.465.278.011	2.265.381.480.744	71.461.208.825	16.754.808.247	11.077.317.183	3.135.140.093.010
- Mua sắm mới	-	47.869.215.144	1.237.346.975	103.653.704	-	49.210.215.823
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.707.686.216	35.743.370.766	476.285.386	-	-	59.927.342.368
- Thanh lý, nhượng bán	(2.764.373.014)	(7.365.700.014)	-	(148.820.400)	-	(10.278.893.428)
Số dư cuối năm	791.408.591.213	2.341.628.366.640	73.174.841.186	16.709.641.551	11.077.317.183	3.233.998.757.773
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	435.182.944.468	1.820.458.118.390	60.194.258.702	16.500.245.070	5.378.810.334	2.337.714.376.964
- Khấu hao trong năm	33.634.139.456	93.769.313.673	2.342.975.616	56.678.526	693.730.260	130.496.837.531
- Thanh lý, nhượng bán	(2.608.347.344)	(6.795.736.919)	-	(148.820.400)	-	(9.552.904.663)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	466.208.736.580	1.907.431.695.144	62.537.234.318	16.408.103.196	6.072.540.594	2.458.658.309.832
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm:	335.282.333.543	444.923.362.354	11.266.950.123	254.563.177	5.698.506.849	797.425.716.046
Số cuối năm:	325.199.854.633	434.196.671.496	10.637.606.868	301.538.355	5.004.776.589	775.340.447.941

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm:	36.921.984.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Tăng do mua sắm mới	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm:	36.921.984.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm:	3.613.419.461	6.760.598.585	10.374.018.046
Khấu hao trong năm	263.155.950	1.912.633.470	2.175.789.420
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm:	3.876.575.411	8.673.232.055	12.549.807.466
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm:	33.308.565.519	8.575.872.607	41.884.438.126
Số cuối năm:	33.045.409.569	6.663.239.137	39.708.648.706

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án mở rộng khu NN công nghệ cao	16.249.466.603	20.395.575.937
DA công viên sinh thái tre luồng Thanh Tam	278.648.669.111	275.463.035.159
Dự án đầu tư dây chuyền chai PET/LON	8.048.543.054	7.839.368.775
Các dự án khác	22.389.737.497	18.231.902.110
Cộng	325.336.416.265	321.929.881.981

13. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào các công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số cổ phần
Công ty CP Rượu Việt Nam Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	2%	100.000	2%	100.000

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	6.251.145.800	6.251.145.800
<i>Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn-Như Xuân</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	80.000.000.000	102.154.459.027
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(415.591.564)	(415.591.564)
Cộng	85.835.554.236	107.990.013.263

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	61.511.594.873	64.793.118.354
Cộng	61.511.594.873	64.793.118.354

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Guangxi Nanning Qiaolong International Trading Co.,Ltd	9.556.052.784	9.550.605.670
Guangxi Laibin Pinguan Trade Group Co.,Ltd	7.090.771.481	7.086.729.620
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thái Dương	1.345.430.131	1.084.498.200
Công ty CP phân bón Nhật Long	19.683.148.785	22.044.428.420
Công ty cổ phần XNK Hà Anh	27.415.170	4.601.097.770
Công ty TNHH bao bì nhựa AMOY	6.279.646.070	-
Các nhà cung cấp khác	81.629.835.030	21.472.500.516
Cộng	125.612.299.451	65.839.860.196

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	15.382.371.486	14.177.096.971
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.816.233.183	23.563.595.792
Các loại thuế khác	261.276.497	165.078.488
Cộng	26.459.881.166	37.905.771.251

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri, sữa gạo, nước mía, điện, dịch vụ cho thuê văn phòng, khách sạn, ăn uống

5%; 8%; 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn	37.965.036.652	23.156.621.720
Cộng	37.965.036.652	23.156.621.720

18. Các khoản phải trả- phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả phải nộp khác	30.910.463.479	22.675.887.656
Cộng	30.910.463.479	22.675.887.656

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.000.508.081.748	1.243.974.698.852
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	17.400.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (*)	-	2.000.000.000
Cộng	1.017.908.081.748	1.245.974.698.852

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	-	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	5.735.000.000	3.735.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cộng	5.735.000.000	3.735.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối năm
Vay đối tượng khác	3.735.000.000	2.000.000.000	-	5.735.000.000
Cộng	3.735.000.000	2.000.000.000	-	5.735.000.000

(*) Vay dài hạn đến hạn trả phân loại sang ngắn hạn: 2.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VNĐ					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	801.350.510.000	191.455.332.801	601.739.479.783	125.337.129.619	31.351.958.578	1.751.234.410.781
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	116.072.815.871	5.801.061.178	121.873.877.049
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	9.052.918.617	(9.052.918.617)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.052.918.618)	-	(9.052.918.618)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(40.067.525.500)	-	(40.067.525.500)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	56.065.720.000	-	-	(56.065.720.000)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	857.416.230.000	191.455.332.801	610.792.398.400	127.170.862.755	37.153.019.756	1.823.987.843.712
Số dư đầu năm nay	857.416.230.000	191.455.332.801	610.792.398.400	127.170.862.755	37.153.019.756	1.823.987.843.712
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	52.958.135.077	7.412.514.640	60.370.649.717
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.124.513.561	(11.124.513.561)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.124.513.561)	-	(11.124.513.561)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(42.870.811.500)	-	(42.870.811.500)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	42.849.690.000	-	-	(42.849.690.000)	-	-
Số dư cuối năm nay	900.265.920.000	191.455.332.801	621.916.911.961	72.159.469.210	44.565.534.396	1.830.363.168.368

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	900.265.920.000	857.416.230.000
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	1.091.721.252.801	1.048.871.562.801

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.026.592	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.026.592	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>90.026.592</i>	<i>85.741.623</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.026.592	85.741.623
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>90.026.592</i>	<i>85.741.623</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ tại doanh nghiệp.

22. Nguồn kinh phí và quỹ khác**22.1 Nguồn kinh phí**

Số đầu năm	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-
Chi trong năm	-
Số cuối năm	-

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	3.631.198.508
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	875.053.300
Số cuối năm	2.756.145.208

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM TÀI CHÍNH 2025/2026****1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	613.501.741.959	525.659.954.761
Doanh thu bán hàng hóa	72.687.276.496	135.886.197.770
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.357.335.684	2.182.282.430
Các khoản giảm trừ doanh thu	(2.652.589.739)	-
Cộng	692.893.764.400	663.728.434.961

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	573.363.203.862	403.016.857.615
Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.358.287.242	135.361.685.765
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.638.062.621	1.141.051.020
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(787.066.762)	-
Cộng	649.572.486.963	539.519.594.400

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.415.271.907	1.046.898.278
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.192.877.166	856.555.126
Cộng	12.608.149.073	1.903.453.404

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	24.197.998.259	18.881.839.733
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Chi phí tài chính khác	3.378.134.825	149.937.461
Cộng	27.576.133.084	19.031.777.194

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**5. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.992.110.470	3.854.812.334
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	402.444.864	280.448.443
Chi phí khấu hao TSCĐ	974.142.185	923.553.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.766.722.596	3.327.672.335
Chi phí bán hàng khác	(9.501.340.508)	7.749.470.598
Cộng	4.634.079.607	16.135.957.269

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/04 đến 30/06	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.989.294.814	10.961.732.596
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.434.100.266	3.369.188.311
Chi phí dự phòng	585.472.043	485.203.605
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.433.337	1.479.071.260
Chi phí khác	627.243.753	4.424.489.290
Cộng	9.434.544.213	20.719.685.062

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 01/07/2025 và 30/06/2026 số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty liên quan	6.242.716.500	6.242.716.500
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	768.288.500	768.288.500
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CP mía đường Nông Công	Công ty liên quan	5.752.273.008	5.752.273.008

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty cổ phần thương mại và đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông lớn	512.112.040	25.997.298.719
Công ty cổ phần đầu tư thương mại Lam Sơn	Công ty liên quan	4.784.332.795	10.421.733.791

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/06/2025
1	Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	267.399.000	369.805.720
2	Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	120.649.000	176.573.566
3	Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên TT HĐQT	97.884.841	136.165.566
4	Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	11.000.000	31.000.000
5	Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	10.000.000	30.000.000
6	Ông Lê Văn Phương	Tổng giám đốc	156.822.400	187.494.883
7	Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	84.618.538	106.193.816
8	Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc	82.953.923	101.725.643
9	Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	80.465.477	100.877.566
10	Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	-	93.304.643
11	Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát	57.296.885	82.694.628
12	Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát	48.010.154	62.534.089
14	Bà Nguyễn Thị Hồng An	Thành viên Ban Kiểm soát	33.592.740	42.352.643
Tổng cộng			1.050.692.959	1.520.722.764

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng gần 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Do đó Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các Công ty con được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/04/2026- 30/06/2026	Từ 01/04/2025- 30/06/2025
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.908.837.799	58.328.116.932
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	4.192.576.269	57.651.733.755
Số lượng cổ phiếu phát hành	90.026.592	85.741.623
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	90.026.592	85.741.623
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	47	672

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/07/2025
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	60,51	60,89
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	39,49	39,11
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	43,81	46,42
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	54,82	52,49
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,37	1,09
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,28	2,15
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,41	1,33
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,02

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	Từ 01/07/2025- 30/06/2026	Từ 01/07/2024- 30/06/2025
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	3,16	6,26
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	2,60	5,24
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,24	4,27
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,85	3,57
<i>Tỷ suất LNST của Công ty trên Vốn chủ sở hữu</i>	%	3,30	6,68

XI. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG SO VỚI CÙNG KỲ**1. Biến động lợi nhuận so với cùng kỳ**

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý IV Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026 là 9.908.837.799 đồng giảm 83% so với cùng kỳ năm 2024/2025, do một số chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01 đến 31/03			
		Năm nay (đồng)	Năm trước (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Doanh thu thuần về BH và CCDV	692.893.764.400	663.728.434.961	29.165.329.439	4%
2	Giá vốn hàng bán	649.572.486.963	539.519.594.400	110.052.892.563	20%
3	LN gộp về BH và CCDV	43.321.277.437	124.208.840.561	(80.887.563.124)	(65,1%)
4	Tỷ suất LN gộp/doanh thu	6,3%	18,7%	(12,5%)	(66,6%)
5	Doanh thu tài chính	12.608.149.073	1.903.453.404	10.704.695.669	562,4%
6	Chi phí tài chính	27.576.133.084	19.031.777.194	8.544.355.890	44,9%
7	Chi phí bán hàng	4.634.079.607	16.135.957.269	(11.501.877.662)	(71,3%)
8	Chi phí quản lý	9.434.544.213	20.719.685.062	(11.285.140.849)	(54,5%)
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.908.837.799	58.328.116.932	(48.419.279.133)	(83,0%)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: 388 Lê Thái Tông, Xã Lam Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV - Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến 30/06/2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Nguyên nhân :

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV năm 2025/2026 chỉ tăng 4%; trong khi giá vốn tăng 20% làm cho tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu Quý IV giảm 12,5%; Dẫn đến Lợi nhuận gộp giảm 65,1% so với cùng kỳ năm trước.

Mặt khác, doanh thu hoạt động tài chính tăng 10.704.695.669 đồng; chi phí tài chính tăng 8.544.355.890 đồng; chi phí bán hàng giảm 71,3%; chi phí quản lý giảm 54,5% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù đơn vị đã tiết giảm các chi phí quản lý, chi phí bán hàng, nhưng lợi nhuận gộp giảm nhiều dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 83% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Tú

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương